TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc.

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-3-2019
V/v "Ly hôn, giao con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, giao con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Thu T, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1988 .

Nơi cư trú: Tổ 03, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2018, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Trương Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thu T và anh Nguyễn Chí T sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống chung với gia đình cha mẹ chồng và hạnh phúc được 03 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là chị T và mẹ chồng mâu thuẫn trong cuộc sống nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn; chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống

cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau, anh T không thường xuyên tới hỏi thăm ngay cả khi chị sinh con. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống về sau.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 29/5/2015, hiện nay con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cha mẹ chị T cho chị diện tích đất khoảng 5.000m^2, trên đất có 350 cây nọc tiêu, 200 cây cao su đã thu hoạch trung bình mỗi năm 70.000.000 đồng, ngoài ra chị đi hái tiêu và nhặt điều thuê trung bình mỗi tháng thu nhập từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Chí T ngày 04/01/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Anh T thống nhất như chị T trình bày về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và tài sản chung, nợ chung. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn vì anh T xét thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Về con chung: Khi ly hôn anh T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 29/5/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh T nghề nghiệp làm thuê ai thuê công việc gì cũng làm, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/ tháng.

Về nợ chung và tài sản chung: Anh T thống nhất như chị T trình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ; tài sản chung không có.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự và các T phần tham gia tố tụng khác đúng theo quy định và đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T mâu thuẫn trầm trọng, thể hiện chị T và anh T chung sống với nhau thời gian ngắn và đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, việc này cũng được địa phương xác nhận; quá trình thụ lý tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh, chị về đoàn tụ nhưng vẫn không

có kết quả. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và các trình bày của các đương sự thì khi ly thân con chung được chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay; hiện con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Mặt khác, chị T có thu nhập ổn định hơn nên đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: chị Trương Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T, anh T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Thu T và anh Nguyễn Chí T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 8 và điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị T xác nhận đời sống chung với anh T không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; sau khi kết hôn được 03 tháng thì chị T và anh T tự sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống; nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị Trương Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhau thời gian dài không ai còn quan tâm đến nhau nữa nên thống nhất ly hôn nên yêu cầu ly hôn của chị T được chấp nhận.

Về con chung: Các đương sự xác nhận quá trình chung sống chị T và anh T có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Chí H, sinh ngày 29/5/2015, chị T và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Xét điều kiện nuôi con của hai bên: Đối với chị T, chị T khai cha mẹ có cho diện tích đất khoảng 5.000m^2, trên đất có 350 cây nọc tiêu, 200 cây cao su đã thu hoạch trung bình mỗi năm 70.000.000 đồng, ngoài ra chị đi hái tiêu và nhặt điều thuê trung bình mỗi tháng thu nhập từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và anh T khai anh làm thuê ai thuê gì làm đó như phụ hồ, làm điện, thu nhập 200.000 đồng – 250.000 đồng/ngày . Hội đồng xét xử nhận định: trình bày của chị T là có thật vì quá trình giải quyết chị T cung cấp cho tòa án văn bản cho tài sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị T và bản

xác nhận của ban ấp nơi chị T chung sống. Đối với điều kiện về thu nhập của anh T thì xác định anh đi làm thuê nhiều công việc, thu nhập không ổn định nên; quá trình ly thân chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung ổn định, đồng thời con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Từ phân tích trên, để đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài cho con chưa T niên cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích và phân tích quyền lợi của con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con theo các qui định của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng chị T vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Thu T.

Chị Trương Thị Thu T ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2015 quyển số 01/2015 cấp ngày 18/6/2015, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, Giao con chung Nguyễn Chí H, sinh ngày 29/5/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của

con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào T tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005113 ngày 02/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện H;*
- *THADS huyện H;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã T, h.H;*
- *Lưu: HS, VT.*